

THÔNG BÁO

Về việc Tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ Đợt 2 năm 2022

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-BGDĐT ngày 02/02/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc giao cho Trường Đại học Hoa Sen đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh; Quyết định số 5507/QĐ-BGDĐT ngày 18/11/2016 của Bộ GDĐT về việc giao cho Trường Đại học Hoa Sen đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và Quyết định số 356/QĐ-BGDĐT ngày 25/01/2022 của Bộ GDĐT về việc cho phép Trường Đại học Hoa Sen đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ GDĐT về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Hoa Sen thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ, đợt 2 năm 2022 như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

1. Quản trị kinh doanh (MBA) - Mã ngành: 8340101

- 04 hướng ngành: Quản trị Kinh doanh; Quản lý Công; Quản trị Marketing và Quản trị Logistics.
- Thời gian đào tạo: 18 tháng. Thời gian học tối đa: 42 tháng.
- Học phí: Chi tiết xem theo thông báo học phí của trường.

2. Ngôn ngữ Anh (MAE) - Mã ngành: 8220201

- 02 hướng ngành: Giảng dạy và Dịch thuật
- Thời gian đào tạo: 24 tháng. Thời gian học tối đa: 48 tháng.
- Học phí: Chi tiết xem theo thông báo học phí của trường.

3. Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (MAT) – Mã ngành: 8810103

- Thời gian đào tạo: 18 tháng. Thời gian học tối đa: 42 tháng.
- Học phí: Chi tiết xem theo thông báo học phí của trường.

II. HÌNH THỨC TUYỂN SINH: XÉT TUYỂN

1. Đối tượng xét tuyển:

1.1. Yêu cầu chung:

Ứng viên đã tốt nghiệp Đại học thuộc các chương trình đã được kiểm định chất lượng được đánh giá bởi các tổ chức quốc tế hoặc được Cục quản lý chất lượng Bộ GDĐT công nhận.

1.2. Yêu cầu về văn bằng và thâm niên công tác:

1.2.1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

- Về văn bằng: Thí sinh đáp ứng một trong hai điều kiện sau:
 - Đã tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh.
 - Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành gần, ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh của trường đại học trong nước hay ngoài nước được Bộ GDĐT

công nhận và đã học, đạt yêu cầu các môn bổ sung kiến thức (xem danh sách môn Bổ sung kiến thức đính kèm) trước thời điểm trường phát giấy báo thi.

Về thâm niên công tác:

- Thí sinh có ít nhất hai năm kinh nghiệm làm việc tính đến ngày nhập học đối với thí sinh khác ngành Quản trị kinh doanh. Nếu thâm niên công tác ít hơn thì Hội đồng tuyển sinh xem xét hồ sơ đăng ký để quyết định.
- Không yêu cầu thâm niên công tác đối với thí sinh tốt nghiệp đúng ngành hoặc ngành gần.

1.2.2. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Về văn bằng: Thí sinh đáp ứng một trong ba điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh hoặc Ngữ văn Anh.
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ học ứng dụng, Văn chương Anh – Mỹ, Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu, Hoa Kỳ học, Anh học, Biên phiên dịch tiếng Anh tại trường đại học trong hay ngoài nước được Bộ GDĐT công nhận; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Ngôn ngữ học, Quản lý Giáo dục, Văn hóa học, Tâm lý học, Giáo dục học tốt nghiệp ở trường nước ngoài và được đào tạo bằng ngôn ngữ Anh được Bộ GDĐT công nhận và đã học, đạt yêu cầu các môn bổ sung kiến thức (xem danh sách môn Bổ sung kiến thức đính kèm) trước thời điểm nhà trường phát giấy báo thi.
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác của trường đại học trong nước hay ngoài nước được Bộ GDĐT công nhận, đạt yêu cầu các môn bổ sung kiến thức (xem danh sách môn Bổ sung kiến thức đính kèm) trước thời điểm nhà trường phát giấy báo thi và đáp ứng yêu cầu về tiếng Anh, cụ thể có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:
 - a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng Anh;
 - b) Văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Bảng quy đổi chứng chỉ trình độ Ngoại ngữ mục 2.5 trong thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GDĐT công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.2.3. Chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Về văn bằng: Thí sinh đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp đại học ngành Du lịch, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.
- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành gần: Việt Nam học, Khoa học Quản lý, Quản lý văn hóa, Quản trị kinh doanh hoặc ngành khác tại Trường Đại học trong hay ngoài nước được Bộ GDĐT công nhận và đã học, đạt yêu cầu các môn bổ sung kiến thức (xem danh sách môn Bổ sung kiến thức đính kèm) trước thời điểm nhà trường phát giấy báo thi.

Về thâm niên công tác:

Thí sinh có ít nhất một năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành đăng ký dự thi đối với thí sinh tốt nghiệp ngành gần hoặc ba năm làm việc liên tục trong lĩnh vực du lịch đối với thí sinh tốt nghiệp ngành khác (tính từ ngày

ký Quyết định công nhận Tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi và đã học bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương với bằng Tốt nghiệp Đại học ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Nếu thâm niên công tác ít hơn thì Hội đồng tuyển sinh xem xét loại Tốt nghiệp để quyết định).

1.3. Yêu cầu khác: áp dụng cho tất cả chuyên ngành tuyển sinh

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khỏe học tập; đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định của Quy chế đào tạo thạc sĩ, Hiệu trưởng trường xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của trường.

2. Quy trình xét tuyển:

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo mục III của thông báo này.
- Thí sinh đạt các tiêu chí xét tuyển đều có thể nộp hồ sơ xét tuyển.

2.1. Thông tin bảng điểm tốt nghiệp hoặc xếp loại tốt nghiệp của ứng viên ở bậc đại học:

Tổng điểm đánh giá tối đa: 45 điểm

- Từ 5,0 đến 5,9 hoặc xếp loại Trung bình : 25 điểm
- Từ 6,0 đến 6,9 hoặc xếp loại Trung bình - Khá: 30 điểm
- Từ 7,0 đến 7,9 hoặc xếp loại Khá: 35 điểm
- Từ 8,0 đến 8,9 hoặc xếp loại Giỏi: 40 điểm
- Từ 9,0 đến 10,0 hoặc xếp loại Xuất sắc: 45 điểm

Lưu ý:

- Điểm trung bình chung tích lũy tốt nghiệp được làm tròn 1 chữ số thập phân (Ví dụ: 5,95 làm tròn thành 6,0 và được tính 30 điểm ở mục này).
- Đối với kết quả học tập không sử dụng thang điểm trung bình chung tích lũy tốt nghiệp hệ 10 thì sử dụng kết quả xếp loại tốt nghiệp để tính điểm cho mục này.

2.2. Bài luận đầu vào thạc sĩ: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề theo yêu cầu chuyên ngành đăng ký để hoàn thành bài luận. Điểm số cho bài luận được chấm theo thang điểm tối đa là 50 điểm với các tiêu chí sau:

- Cấu trúc bài viết
- Kỹ năng tổng hợp thông tin
- Kỹ năng phân tích & lập luận
- Sự sáng tạo

2.2.1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh (1.500 – 3.000 từ)

- **Chủ đề 1:** Hãy cho biết lí do bạn tiếp tục con đường học tập với chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và định hướng nghề nghiệp tương lai của bạn sau khi hoàn thành chương trình Thạc sĩ này.
- **Chủ đề 2:** Với kiến thức về Quản trị kinh doanh mà bạn có, hãy phân tích tác động và hậu quả của đại dịch Covid đến các doanh nghiệp Việt Nam. Theo bạn, trong giai đoạn tiếp theo, các doanh nghiệp cần làm gì để cải thiện tình hình kinh doanh & phát triển?

2.2.2. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (1.000 – 2.000 từ)

Share your ideas with example(s) to illustrate: (choose 1 of the following topics)

- **Topic 1:** The ways we use a language depend strongly on the relationships between partners in communication.
- **Topic 2:** It is said that languages develop only in the society of human beings to serve this society as meeting the demand of human beings.

2.2.3. Chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (1.500 – 3.000 từ)

- **Chủ đề 1:** Hãy cho biết lí do bạn tiếp tục con đường học tập với chương trình Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành và định hướng nghề nghiệp tương lai của bạn sau khi hoàn thành chương trình Thạc sĩ này.
- **Chủ đề 2:** Với kiến thức về du lịch mà bạn có, hãy phân tích tác động và hậu quả của đại dịch Covid đến du lịch Việt Nam. Theo bạn, trong giai đoạn tiếp theo, Việt Nam cần làm gì để cải thiện tình hình du lịch hiện tại?

2.3. Tiêu chí khác: Các giải thưởng cấp quốc gia (5 điểm), tham gia bài báo khoa học được các tổ chức uy tín công nhận (5 điểm), đã tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ được cấp bởi các cơ sở đào tạo quốc tế uy tín hoặc các cơ sở đào tạo trong nước được Bộ giáo dục và đào tạo công nhận (5 điểm). Điểm cộng tối đa là 15 điểm. Sau khi cộng điểm, điểm đánh giá cuối cùng không được quá 100 điểm (nếu vượt quá sẽ được làm tròn thành 100 điểm).

2.4. Đối với môn ngoại ngữ: Thí sinh tham gia kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do trường tổ chức hoặc được xét miễn môn ngoại ngữ theo khoản 2.5 trong mục này.

2.5. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ: Ứng viên tham dự xét tuyển đáp ứng một trong các điều kiện sau thì được miễn thi môn Ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GDĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cấp bằng.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài.
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng Tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).
- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GDĐT, theo bảng quy đổi dưới đây, trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ, được cấp bởi các cơ sở được Bộ GDĐT cho phép hoặc công nhận. Hiệu trưởng phải thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận tương đương.

Bảng quy đổi chứng chỉ trình độ ngoại ngữ

| TT | Ngôn ngữ | Chứng chỉ/Văn bằng | Trình độ / Thang điểm | |
|----|------------------|--|---|--|
| | | | (Tương đương bậc 3) | (Tương đương bậc 4) |
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | 30 – 45 | 46 – 93 |
| | | TOEFL ITP | 450 – 499 | |
| | | IELTS | 4.0 – 5.0 | 5.5 – 6.5 |
| | | Cambridge Assessment English | B1 Preliminary / B1 Business Preliminary / Linguaskill Thang điểm: 140 - 159 | B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179 |
| | | TOEIC (4 kỹ năng) | Nghe: 275 – 399 Đọc: 275 – 384 Nói: 120 – 159 Viết: 120 - 149 | Nghe: 400 – 489 Đọc: 385 – 454 Nói: 160 – 179 Viết: 150 – 179 |
| | APTIS | Overall CEFR: B1 | Overall CEFR: B2 | |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP / Alliance Française Diplomas | TCF: 300 – 399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue | TCF: 400 – 499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue |
| 3 | Tiếng Đức | Goethe - Institut | Goethe – Zertifikat B1 | Goethe-Zertifikat B2 |
| | | The German TestDaF Language | TestDaF Bậc 3 (TDN 3) | TestDaF Bậc 4 (TDN 4) |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK Bậc 3 | HSK Bậc 4 |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N4 | N3 |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ-1 (TRKI-1) | ТРКИ-2 |
| 7 | Tiếng Hàn | TOPIK | TOPIK 3 | TOPIK 4 |

- Lưu ý:

- Các chứng chỉ để miễn thi môn ngoại ngữ nếu thuộc loại có quy định thời hạn sử dụng thì chứng chỉ phải còn giá trị sử dụng đến ngày đăng ký dự thi.
- Đối với thí sinh đăng ký chương trình Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh, yêu cầu về ngoại ngữ 2 là các ngôn ngữ khác tiếng Anh, đạt cấp độ tương đương trình độ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trình độ B1 trở lên theo khung Châu Âu. Thí sinh cần nộp bản sao chứng chỉ để Hội đồng tuyển sinh xem xét và quyết định.
- Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với người học phải cùng một ngôn ngữ.

III. HỒ SƠ, LỆ PHÍ VÀ MỐC THỜI GIAN DỰ TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

- Bài luận theo yêu cầu khoản 2.2 mục II. của thông báo này;
- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
- Bản sao^(*) văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trong vòng 3 tháng;
- Bản sao^(*) giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý Chất lượng với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;
- Bản sao^(*) kết quả học tập ở bậc đại học có ghi rõ tên môn học, số tiết, điểm thi từng môn;
- Giấy xác nhận thâm niên công tác (đối với thí sinh dự tuyển ngành Quản trị kinh doanh, ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành);
- Lý lịch cá nhân có dán ảnh và được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận, đóng dấu giáp lai ảnh;
- Bản sao^(*) bảng điểm bổ sung kiến thức đối với thí sinh tốt nghiệp Đại học ngành gần hoặc khác với ngành đăng ký dự thi;
- Bản sao^(*) chứng chỉ Ngoại ngữ, nếu có;
- Hồ sơ chứng minh đối tượng ưu tiên, nếu có;
- Giấy khám sức khỏe không quá 3 tháng;
- 3 ảnh chân dung 3x4 được chụp trong thời gian 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (ghi họ tên, ngày sinh vào sau ảnh, để trong 1 phong bì);
- Bản sao^(*) giấy khai sinh, thí sinh có thể nộp bổ sung khi đăng ký nhập học;

() Thí sinh nộp bản sao có công chứng.*

2. Lệ phí dự tuyển: 1.000.000 đồng/hồ sơ.

3. Mốc thời gian:

- Đăng ký hồ sơ xét tuyển: từ ngày 16/05/2022 đến hết ngày 10/07/2022.
- Kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 16/07/2022
- Công bố kết quả thi, danh sách trúng tuyển: ngày 05/08/2022 (dự kiến).

IV. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ ĐIỂM ƯU TIÊN

1. Đối tượng ưu tiên

- ĐT1 Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- ĐT2 Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- ĐT3 Con liệt sĩ;
- ĐT4 Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- ĐT5 Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định trong mục đối tượng ĐT1 trong mục này;

- ĐT6 Con đê của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Điểm ưu tiên

- Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào tổng điểm đánh giá (hồ sơ + bài luận) hoặc được cộng 10 điểm cho môn Ngoại ngữ nếu không thuộc diện được miễn thi môn Ngoại ngữ.
- Thí sinh chỉ được áp dụng tối đa một hạng mục đối tượng ưu tiên.

V. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN

- Thí sinh phải đạt tổng điểm đánh giá (hồ sơ + bài luận) từ 50 điểm trở lên; trong đó điểm tối thiểu cho Tiêu chí Bảng điểm Đại học là 25 điểm; điểm tối thiểu cho Bài Luận là 25 điểm.
- Đạt điều kiện miễn môn Ngoại ngữ hoặc đạt 50% thang điểm của kì thi đánh giá môn ngoại ngữ.

VI. ĐỊA ĐIỂM LIÊN HỆ TƯ VẤN VÀ NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

Thí sinh liên hệ **Viện Đào tạo Sau Đại học - Trường Đại học Hoa Sen**:

- Địa chỉ: Phòng 803, số 08 Nguyễn Văn Tráng, P. Bến Thành, Q1, TP. HCM.
- Điện thoại: (028) 73091991 – EXT: 11522
- Hotline: 090 959 4757 - 037 657 1204
- Email: caohoc@hoasen.edu.vn
- Website: <https://hoasen.edu.vn/saudaihoc>
- Facebook: www.facebook.com/caohochoasen
- Thời gian làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu:
 - Buổi sáng: từ 08:00 đến 12:00
 - Buổi chiều: từ 13:00 đến 17:00
- **Chú ý:**
 - Thí sinh có thể nộp hồ sơ đăng ký bản mềm đăng ký bản mềm (bản scan hoặc ảnh chụp chứng từ bản gốc) qua email trong thời hạn nhận hồ sơ và bổ sung chứng từ bản cứng tại trường trước ngày 30/07/2022.

Nơi nhận:

- Các Khoa, Phòng để phối hợp truyền thông;
- Chủ tịch HĐQT NHG (để b/c);
- Ban Tổng Giám đốc NHG (để b/c);
- Lưu: VT, Viện ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG 




PGS.TS VÕ THỊ NGỌC THÚY

DANH SÁCH CÁC MÔN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Đính kèm thông báo số: 971 /TB-ĐHHS, ngày 16 tháng 5 năm 2022)

- I. Danh sách môn học bổ sung kiến thức
1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh:

| STT | Tên môn học | Học phí (VNĐ) |
|--|------------------------------|---------------|
| Nhóm bổ sung kiến thức ngành khác | | |
| 1 | Kinh tế đại cương (BSKT MBA) | 2,100,000 |
| 2 | Quản trị học (BSKT MBA) | 1,500,000 |
| 3 | Nguyên lý kế toán (BSKT MBA) | 1,500,000 |
| 4 | Marketing căn bản (BSKT MBA) | 1,500,000 |
| 5 | Tài chính tiền tệ (BSKT MBA) | 1,500,000 |
| Nhóm bổ sung kiến thức ngành gần | | |
| 1 | Kinh tế đại cương (BSKT MBA) | 2,100,000 |
| 2 | Quản trị học (BSKT MBA) | 1,500,000 |
| 3 | Nguyên lý kế toán (BSKT MBA) | 1,500,000 |

2. Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh:

| STT | Tên môn học | Học phí (VNĐ) |
|--|--|---------------|
| Nhóm bổ sung kiến thức ngành khác | | |
| 1 | Ngữ âm & Âm vị học (BSKT MAE) | 1,500,000 |
| 2 | Ngữ nghĩa học (BSKT MAE) | 1,500,000 |
| 3 | Hình Thái học & Cú pháp tiếng Anh (BSKT MAE) | 1,500,000 |
| 4 | Nhập môn Biên - Phiên dịch (BSKT MAE) | 1,500,000 |
| 5 | Nhập môn Giảng dạy Tiếng Anh (BSKT MAE) | 1,500,000 |
| Nhóm bổ sung kiến thức ngành gần | | |
| 1 | Ngữ âm & Âm vị học (BSKT MAE) | 1,500,000 |
| 2 | Ngữ nghĩa học (BSKT MAE) | 1,500,000 |
| 3 | Hình Thái học & Cú pháp tiếng Anh (BSKT MAE) | 1,500,000 |



3. Chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành:

| STT | Tên môn học | Học phí (VNĐ) |
|--|--|---------------|
| Nhóm bổ sung kiến thức ngành khác | | |
| 1 | Tổng quan Du lịch và Khách sạn - Nhà hàng (BSKT MAT) | 1,500,000 |
| 2 | Kinh tế học trong Du lịch và Khách sạn - Nhà hàng (BSKT MAT) | 1,500,000 |
| 3 | Lịch sử và văn hóa Việt Nam (BSKT MAT) | 1,500,000 |
| 4 | Xây dựng và phát triển chương trình du lịch (BSKT MAT) | 1,500,000 |
| 5 | Quản trị lữ hành (BSKT MAT) | 1,500,000 |
| Nhóm bổ sung kiến thức ngành gần | | |
| 1 | Lịch sử và văn hóa Việt Nam (BSKT MAT) | 1,500,000 |
| 2 | Xây dựng và phát triển chương trình du lịch (BSKT MAT) | 1,500,000 |
| 3 | Quản trị lữ hành (BSKT MAT) | 1,500,000 |

II. Miễn học bổ sung kiến thức

- Người học có thể đăng ký miễn giảm các môn bổ sung kiến thức.
- Môn xét miễn căn cứ theo bảng điểm và đề cương môn học mà học viên đã học hoàn tất, nội dung môn học đó hoặc môn tương đương ở bậc đại học.
- Thời gian nộp hồ sơ miễn học bổ sung kiến thức: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 01/07/2022.